

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 02/6/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Pì Sách**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan.**

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về " *Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Thị Ph**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp Minh Ph, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Chị Ph có mặt tại phiên tòa.

\* Bị đơn: Anh **Trịnh Văn B**, sinh năm 1991.

HKTT: ấp Minh Ph, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Ph trình bày:* Vào năm 2018, sau quá trình quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Trịnh Văn B được sự đồng ý của cha mẹ hai bên thì anh chị tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trong quá trình chung sống chị và anh B không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng chị có mâu thuẫn với nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm sống mặc dù vợ chồng chị đã khắc phục nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục cãi nhau. Nay chị cảm thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc nữa nên khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn B.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 08/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Văn B trình bày:* Anh xác định cô Ph trình bày về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh xác định vợ chồng anh không có đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Nay chị Ph khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với cô Thị Ph;
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 và Điều

14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Ph và anh Trịnh Văn B.

### **NHẬN ĐỊNH:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Thị Phụng khởi kiện “*Tranh chấp ly hôn*” với anh Trịnh Văn B và hiện nay bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Minh Ph, xã Bình A, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trịnh Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thị Ph và anh Trịnh Văn B đều trình bày, vào năm 2018 chị Ph và anh B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2019 thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị Ph và anh B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”.

Từ đó, cho thấy mối quan hệ giữa chị Thị Ph và anh Trịnh Văn B không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật.

[2.2] *Về con chung*: Chị Ph và anh B đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[ 2.3] *Về tài sản chung*: Chị Ph và anh B đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[ 2.4] *Về tài sản chung*: Chị Ph và anh B đều xác nhận trong thời gian chung sống giữa anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Thị Ph phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:*

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Ph và anh Trịnh Văn B.

2. *Về con chung*: Chị Thị Ph và anh Trịnh Văn B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét (miễn xét).

3. *Về tài sản chung*: Chị Thị Ph và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét (miễn xét).

4. *Về nợ chung*: Chị Thị Ph và anh Trịnh Văn B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét (miễn xét).

5. *Về án phí*: Chị Thị Ph phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số: 0001456, ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị Phụng không phải nộp thêm (đã nộp xong).

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Pì Sách**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Danh Pì Sách**



